

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6510303

TRÌNH ĐỘ : CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo quyết định số: 159/QĐ-CĐCS ngày 29 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su*

Bình Phước, Năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử

Mã ngành, nghề: 6510303

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 3 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử trình độ cao đẳng là ngành, nghề mà người có khả năng chuyên môn, có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, có tư duy hệ thống và tư duy phân tích, có khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và khả năng làm việc nhóm, hội nhập được trong các môi trường khác nhau. Tất cả yêu cầu trên sẽ được trang bị và đào tạo khi đang theo học, chỉ cần có đam mê, ham học hỏi và thích sáng tạo. Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành này có thể đảm nhận các vị trí như: chuyên viên kỹ thuật hoặc tư vấn thiết kế, vận hành, bảo trì mạng lưới điện tại các công ty điện lực, nhà máy điện, trạm biến áp, xí nghiệp, các đơn vị thí nghiệm điện, khu công nghiệp, khu chế xuất, các khu dân cư, các tòa nhà, cao ốc văn phòng; nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm, các đơn vị sản xuất công nghiệp tự động hóa và điện tử hóa cao; làm việc cho Tổng công ty Bưu chính viễn thông, Tổng cục điện tử Việt Nam và các công ty trực thuộc; hoặc có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và có thể tham gia giảng dạy tại các trường cao đẳng, trung cấp.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong người học có kiến thức về thực tế và lý thuyết chuyên môn nghề công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử; có kiến thức về chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, đánh giá quá trình thực hiện công việc đáp ứng được yêu cầu của nghề. Có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng tư duy, kỹ năng ngoại ngữ để giải quyết công việc liên quan của nghề. Thực hiện lắp đặt thiết bị điện, điện tử; thiết kế và lắp ráp mạch điện tử; sửa chữa thiết bị điện, điện tử; thiết kế, thi công, tư vấn, vận hành và bảo trì hệ thống cung cấp điện, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp. Có sức khỏe và đạo đức nghề nghiệp tốt, giải quyết các công việc một cách chủ động, giao tiếp và phối hợp làm việc theo tổ, nhóm, tổ chức và quản lý quá trình sản xuất. Có khả năng học tập nâng cao trình độ chuyên môn (đại học), lý luận chính trị, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2315 giờ, 90 tín chỉ, 28 môn học/mô-đun.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1 Kiến thức:

- Giải thích chính xác quy cách, tính chất của các loại vật liệu, linh kiện thường dùng trong lĩnh vực điện, điện tử;
- Mô tả được tính chất, cấu tạo, nguyên lý hoạt động, ứng dụng của các thiết bị điện, điện tử; qui trình lắp đặt các hệ thống điện (hữu hạn và vô hạn), điện tử trong công nghiệp;
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, ứng dụng của các hệ thống điện (hữu hạn và vô hạn), điện tử trong công nghiệp;
- Trình bày được phương pháp sử dụng các thiết bị đo, dụng cụ cầm tay vào nghề điện, điện tử;
- Trình bày được các phương pháp lập trình PLC, vi điều khiển vào hệ thống điện, điện tử;
- Liệt kê đầy đủ các phương pháp tính toán trong thiết kế các hệ thống điện, điện tử;
- Lập được kế hoạch tư vấn, giám sát, mô tả được quy trình vận hành, bảo trì, lắp đặt sửa chữa thiết bị điện, điện tử trong hệ thống phân phối cung cấp điện và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp;
- Liệt kê trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân đối với các thành viên trong nhóm/bộ phận; Giải thích cách thức thực hiện công việc trong nhóm; Trình bày được các tiêu chuẩn an toàn lao động; Liệt kê được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
- Trình bày được những nguyên tắc, nội quy, quy định và những tiêu chuẩn để đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện cho người và thiết bị
- Mô tả được các công việc trong quá trình thực tập sản xuất tại doanh nghiệp.

2.2.2 Kỹ năng:

- Sử dụng thành thạo các dụng cụ hỗ trợ cầm tay nghề điện, điện tử;
- Đọc được chính xác các bản vẽ kỹ thuật của nghề (Bản vẽ sơ đồ lắp ráp, bản vẽ sơ đồ nguyên lý); liệt kê được vật tư, linh kiện cần cho mạch điện;
- Lắp ráp, đo - kiểm tra, sửa chữa được các mạch điện tử cơ bản, các thiết bị điện, điện mặt trời, điện tử thông dụng;
- Tính toán, thiết kế được mạch điện tử và các hệ thống điện (hữu hạn và vô hạn), điện dân dụng, công nghiệp theo đúng yêu cầu;
- Lắp đặt hệ thống phân phối cung cấp điện, hệ thống điện dân dụng, công nghiệp và các hệ thống tự động hóa trong công nghiệp;
- Vận hành thuần thục hệ thống phân phối cung cấp điện, hệ thống điện dân dụng, công nghiệp và các hệ thống tự động hóa trong công nghiệp;
- Lập trình vi điều khiển, PLC cho hệ thống điện, điện tử;

- Sử dụng thuần thục các phần mềm ứng dụng phục vụ cho chuyên ngành, quản lý và tổ chức sản xuất;
- Cung cấp các yêu cầu và lựa chọn được sản phẩm đáp ứng nhu cầu cho khách hàng;
- Hỗ trợ các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ cơ bản theo quy định; ứng dụng được chúng trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Thực hiện được công tác an toàn lao động vệ sinh công nghiệp và các biện pháp sơ cứu nạn nhân tai nạn lao động và điện giật.

2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và tuân thủ an toàn điện cho người và thiết bị
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ xác định; Tuân thủ an toàn cho người và thiết bị.
- Đánh giá chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Lắp đặt thiết bị điện, lắp ráp thiết bị điện tử;
- Sửa chữa thiết bị điện, điện tử;
- Thi công, vận hành hệ thống phân phối cung cấp điện;
- Thiết kế, lắp ráp mạch điện tử; và vận hành, bảo trì, sửa chữa hệ thống điều khiển tự động hóa;
- Thiết kế, thi công, vận hành và bảo trì hệ thống điện dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn, giám sát và điều hành các dự án lĩnh vực điện, điện tử;
- Kinh doanh thiết bị điện, điện tử.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.315/90 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 28
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1.880/71 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 453 (giờ); thực hành, thực tập: 1.117 (giờ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1.	NLCB-01	Sử dụng máy tính cơ bản
2.	NLCB-02	Làm việc nhóm hiệu quả
3.	NLCB-03	Hoàn thành các nhiệm vụ chính hàng ngày
4.	NLCB-04	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản
5.	NLCB-05	Đọc, hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành thông thường
6.	NLCB-06	Duy trì kiến thức ngành nghề
7.	NLCB-07	Thực hiện sơ cứu cơ bản
8.	NLCB-08	Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ
9.	NLCB-09	Thực hiện các biện pháp an toàn sử dụng điện
10.	NLCB-10	Thực hiện các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động
11.	NLCB-11	Nhận nhiệm vụ công việc
12.	NLCB-12	Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị, vật tư và điều kiện an toàn lao động
13.	NLCB-13	Chuẩn bị và trình bày báo cáo
14.	NLCB-14	Sử dụng thành thạo bộ dụng cụ cầm tay nghề điện
15.	NLCB-15	Sử dụng thành thạo bộ dụng cụ cầm tay nghề điện tử
16.	NLCB-16	Sử dụng thành thạo bộ dụng cụ đo lường điện
17.	NLCB-17	Sử dụng thành thạo bộ dụng cụ đo lường điện tử
18.	NLCB-18	Sử dụng thành thạo bộ dụng cụ cơ khí
19.	NLCB-19	Đọc bản vẽ kỹ thuật
20.	NLCB-20	Đọc, hiểu tài liệu kỹ thuật
21.	NLCB-21	Cài đặt phần mềm ứng dụng chuyên ngành
22.	NLCB-22	Thực hiện vệ sinh công nghiệp
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
23.	NLCL-01	Đọc và phân tích bản vẽ
24.	NLCL-02	Lập kế hoạch lắp đặt
25.	NLCL-03	Lắp đặt thiết bị điện
26.	NLCL-04	Kiểm tra kết quả sau lắp đặt

27.	NLCL-05	Vận hành, chạy thử
28.	NLCL-06	Lắp ráp thiết bị điện tử
29.	NLCL-07	Xác định hiện tượng hư hỏng của thiết bị điện
30.	NLCL-08	Khoanh vùng vị trí hư hỏng của thiết bị điện
31.	NLCL-09	Lập kế hoạch sửa chữa
32.	NLCL-10	Sửa chữa thiết bị điện
33.	NLCL-11	Đo, kiểm tra thiết bị điện sau sửa chữa
34.	NLCL-12	Xác định hiện tượng hư hỏng của thiết bị điện tử
35.	NLCL-13	Khoanh vùng vị trí hư hỏng của thiết bị điện tử
36.	NLCL-14	Lập quy trình thi công
37.	NLCL-15	Lắp đặt hệ thống
38.	NLCL-16	Đọc quy trình vận hành hệ thống phân phối cung cấp điện
39.	NLCL-17	Kiểm tra hệ thống trước khi vận hành
40.	NLCL-18	Vận hành hệ thống
41.	NLCL-19	Xử lý sự cố khi vận hành hệ thống
42.	NLCL-20	Chế tạo mạch in
43.	NLCL-21	Lập kế hoạch lắp ráp
44.	NLCL-22	Lắp ráp mạch điện tử
45.	NLCL-23	Chạy thử và hiệu chỉnh
46.	NLCL-24	Đọc quy trình vận hành hệ thống điều khiển tự động hóa
47.	NLCL-25	Kiểm tra hệ thống trước khi vận hành hệ thống điều khiển tự động hóa
48.	NLCL-26	Vận hành hệ thống điều khiển tự động hóa
49.	NLCL-27	Quản lý các sự cố và tình huống khẩn cấp
50.	NLCL-28	Thực hiện bảo trì hệ thống điều khiển tự động hóa
51.	NLCL-29	Xác định hiện tượng hỏng trên hệ thống điều khiển tự động hóa
52.	NLCL-30	Phân tích nguyên nhân hư hỏng của hệ thống điều khiển tự động hóa
53.	NLCL-31	Khoanh vùng vị trí hư hỏng của hệ thống điều khiển tự động hóa

54.	NLCL-32	Sửa chữa hệ thống điều khiển tự động hóa
55.	NLCL-33	Đo, kiểm tra sau sửa chữa hệ thống điều khiển tự động hóa
56.	NLCL-34	Tính toán, thiết kế hệ thống điện dân dụng và công nghiệp
57.	NLCL-35	Đọc và phân tích bản vẽ điện
58.	NLCL-36	Lập quy trình thi công hệ thống điện dân dụng và công nghiệp
59.	NLCL-37	Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp
60.	NLCL-38	Đọc quy trình vận hành hệ thống điện dân dụng và công nghiệp
61.	NLCL-39	Thực hiện công tác chuẩn bị trước khi vận hành hệ thống điện dân dụng và công nghiệp
62.	NLCL-40	Kiểm tra hệ thống trước khi vận hành hệ thống điện dân dụng và công nghiệp
63.	NLCL-41	Vận hành hệ thống điện dân dụng và công nghiệp
64.	NLCL-42	Phát hiện sự cố và lập phương án xử lý hệ thống điện dân dụng và công nghiệp
65.	NLCL-43	Nghiệm thu và bàn giao
66.	NLCL-44	Đọc, hiểu tài liệu kỹ thuật
67.	NLCL-45	Tiếp nhận và xử lý yêu cầu của khách hàng
68.	NLCL-46	Quản lý hồ sơ, tài liệu và thông tin khách hàng
69.	NLCL-47	Phát triển mối quan hệ khách hàng
70.	NLCL-48	Lập báo cáo thống kê
III	Năng lực nâng cao	
71.	NLNC-01	Tính toán thiết kế mạch
72.	NLNC-02	Xử lý sự cố khi vận hành hệ thống điện dân dụng và công nghiệp
73.	NLCL-03	Thiết kế, mô phỏng mạch trên phần mềm
74.	NLCL-04	Đọc và phân tích bản vẽ mạch
75.	NLCL-05	Lập kế hoạch máy móc và thiết bị cho thi công
76.	NLCL-06	Kiểm tra các điều kiện và biện pháp thi công

6. Nội dung chương trình

	Tên môn học, mô đun		Thời gian đào tạo (giờ)
--	---------------------	--	-------------------------

Mã MH, MĐ		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi kết thúc môn học/ mô đun
I	<i>Các môn học chung</i>	19	435	157	255	23
MH 01	Chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	120	42	72	6
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	71	1880	537	1269	74
II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	14	285	120	151	14
MH 07	Cơ sở kỹ thuật điện	4	60	45	14	1
MH 08	An toàn điện	2	30	15	14	1
MĐ 09	Khí cụ điện hạ thế	2	45	15	26	4
MĐ 10	Điện tử cơ bản	3	60	30	26	4
MĐ 11	Kỹ thuật lắp đặt điện cơ bản	3	90	15	71	4
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	53	1475	387	1036	52
MĐ 12	Sửa chữa thiết bị điện gia dụng	3	90	15	71	4
MĐ 13	Điện tử công suất	2	45	15	26	4
MĐ 14	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ điện	5	120	30	86	4

MH 15	Cung cấp điện	5	90	60	28	2
MĐ 16	Truyền động điện	3	60	30	26	4
MĐ 17	Kỹ thuật số	2	45	15	26	4
MĐ 18	Kỹ thuật cảm biến	2	45	15	26	4
MĐ 19	Lắp đặt Trang bị điện máy sản xuất	5	120	30	86	4
MĐ 20	PLC cơ bản	3	75	30	41	4
MĐ 21	Sửa chữa mạch điện máy công cụ	2	60	15	41	4
MĐ 22	Kỹ thuật vi điều khiển	3	75	30	41	4
MĐ 23	Điều khiển khí nén	2	45	15	26	4
MĐ 24	Lắp đặt điện mặt trời	2	45	15	26	4
MĐ 25	Thực tập cơ sở	6	240	40	199	1
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	8	320	32	287	1
II.3	Các môn học và mô đun tự chọn	4	120	30	82	8
MĐ27	Thí nghiệm máy điện	2	60	15	41	4
MĐ28	PLC nâng cao	2	60	15	41	4
Tổng cộng		90	2315	694	1524	97

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

- Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học

thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Ngoại ngữ thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trong trường hợp Bộ LĐTBXH ban hành các Thông tư thay thế thì áp dụng theo Thông tư hiện hành.

Giáo dục quốc phòng và an ninh sinh viên được học tại Trường quân sự Quân đoàn 4 theo quy định của Bộ quốc phòng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

- Đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định trong toàn khóa học, cho phép sinh viên cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất

- Đào tạo theo niên chế được tổ chức theo năm học, một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun. Ngoài hai học kỳ chính, nhà trường xem xét quyết định tổ chức thêm kỳ học phụ để người học có điều kiện được học lại, học bù. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun.

- Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế được thực hiện trong ba năm học

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Điểm của môn học, mô-đun theo thang điểm 10

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo từng học kỳ

- Sinh viên phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp (trừ những trường hợp được làm khoá luận tốt nghiệp)

7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương pháp tích lũy mô-đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô-đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô-đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô-đun, tín chỉ quy định trong chương trình.

- Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ của từng chương trình

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

- Trước mỗi học kỳ, người học phải đăng ký học tập theo quy chế đào tạo của trường

- Điểm của môn học, mô-đun theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo môn học, mô-đun

- Sinh viên không phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp, sau khi tích lũy đủ môn học, mô-đun theo quy định của chương trình thì nhà trường xét tốt nghiệp

7.4. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến

- Các phần lý thuyết và những nội dung có thể thực hiện trực tuyến được triển khai thông qua các nền tảng học trực tuyến.

- Sử dụng các công cụ giảng dạy trực tuyến như video bài giảng, tài liệu điện tử, diễn đàn thảo luận và bài tập trực tuyến.

- Kiểm tra trực tuyến và bài tập nộp trực tuyến, sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá trực tuyến để đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

- Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện theo quy định của nhà trường (Quy chế số 432/QC-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng về Quy định đào tạo trực tuyến). Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

7.5. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa tại trường và tại một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo, thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Sinh hoạt, học tập chính trị đầu khóa, phổ biến các quy chế đào tạo, nội quy của trường và lớp học	Tuần đầu của khoá học
2	Thể dục, thể thao	- Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
3	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
4	Hoạt động thư viện: Đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
5	Vui chơi, giải trí và các hoạt động khác	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt vào ngoài giờ lên lớp
6	Trải nghiệm thực tế về các vị trí làm việc, môi trường đi làm tại công ty, doanh nghiệp gắn với ngành nghề của HSSV	Học kỳ 1 của thời gian đào tạo

7	Hoạt động về nguồn, ngoại khóa	Mỗi khoá 1 lần
8	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục (giới tính, sức khoẻ sinh sản, luật an toàn giao thông, bạo lực học đường, phòng chống mại dâm, ma tuý....)	Phòng CTSV chịu trách nhiệm phối hợp với đoàn thanh niên và Ban nữ công tổ chức lồng ghép trong chào cờ hàng tháng
9	Học tập kỹ năng: - Văn hoá học đường - Kỹ năng học tập hiệu quả - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng số - Kỹ năng tìm kiếm việc làm	Giao cho Phòng CTSV chủ trì, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện. Nội dung kỹ năng văn hoá học đường, Kỹ năng học tập hiệu quả nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức miễn phí. Các kỹ năng còn lại sẽ thu phí lấy thu bù chi.
10	Lao động	Giao Phòng CTSV chủ trì phối hợp cùng phòng TCHC phân công định kỳ hàng tháng

7.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.7. Thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.8. Các hướng dẫn khác:

Trong quá trình tổ chức đào tạo nếu có phát sinh các nội dung liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo, nhà trường sẽ ban hành các hướng dẫn kịp thời để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hiệu quả, linh động và đạt chất lượng cao nhất.

Bình Phước, ngày 29 tháng 4 năm 2024



ThS. Lê Văn Kích

PHÒNG ĐÀO TẠO

Lê Song Hào

KHOA ĐIỆN - ĐT

Hà Văn Đạo